

THÔNG BÁO

**Công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương quý III năm 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2020, cụ thể như sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương quý III năm 2020 (chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN).
2. Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý III năm 2020 (chi tiết theo biểu số 60/CK-NSNN).
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý III năm 2020 (chi tiết theo biểu số 61/CK-NSNN) ~~24~~

Nơi nhận:

- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (A);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chức

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2020(Kèm theo Thông báo số **60**/TB-UBND ngày **20** tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2019	DỰ TOÁN HỌND TỈNH GIAO NĂM 2020	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.214.631	9.274.000	12.697.136	137	113
I	Thu cân đối NSNN	6.849.379	9.274.000	7.282.866	79	106
1	Thu nội địa	5.461.913	7.574.000	6.042.488	80	111
2	Thu cân đối từ hoạt động XNK	1.387.466	1.700.000	1.240.378	73	89
3	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4.365.252	-	5.414.270		124
B	TỔNG CHI NSDP	6.018.334	9.477.096	6.502.809	69	108
I	Chi cân đối NSDP	5.260.000	7.421.780	5.657.064	76	108
1	Chi đầu tư phát triển	1.050.000	1.437.900	1.274.700	89	121
2	Chi thường xuyên	4.069.000	5.659.450	4.244.588	75	104
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		18.600	1.776		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
5	Dự phòng ngân sách	140.000	204.830	135.000	66	
6	Chi từ nguồn tăng thu		100.000		-	
II	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương		1.095.130			
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	758.334	960.186	845.745	88	112
C	BỘI CHI NSDP					
D	BỘI THU NSDP (CHI TRẢ NỢ GỐC)	40.000	17.500	17.500	100	44

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 60/TB-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2019	DỰ TOÁN HẸND TỈNH GIAO NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.849.379	9.274.000	7.282.866	79	106
I	Thu nội địa	5.461.913	7.574.000	6.042.488	80	111
1	Thu từ khu vực DNNN	711.989	915.000	524.986	57	74
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.484.555	2.746.000	1.796.794	65	121
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.108.478	1.480.000	994.154	67	90
4	Thuế thu nhập cá nhân	373.674	523.000	445.706	85	119
5	Thuế bảo vệ môi trường	343.774	420.000	327.919	78	95
6	Lệ phí trước bạ	147.681	225.000	150.354	67	102
7	Các loại phí, lệ phí	187.011	279.000	192.062	69	103
8	Các khoản thu về nhà, đất	799.556	701.000	1.348.922	192	169
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	511	-	496		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.322	11.000	9.828	89	105
-	Thu tiền sử dụng đất	724.009	600.000	1.249.568	208	173
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	65.714	90.000	89.030	99	135
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	166.387	150.000	104.355	70	63
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	10.436	14.000	13.293	95	127
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	20.590	27.000	17.471	65	85
13	Thu khác ngân sách	60.162	49.000	88.889	181	148
14	Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa	47.620	45.000	37.583	84	79
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.387.466	1.700.000	1.240.378	73	89
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa NK	1.083.574		891.638		82
2	Thuế xuất khẩu	112.274		139.655		124
3	Thuế nhập khẩu	171.484		172.898		101
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng nhập khẩu	10		205		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa NK	18.481		22.039		119
6	Thuế bổ sung đối với hàng hoá NK vào Việt Nam	734		12.723		1.733
7	Thu khác	909		1.220		134
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.161.617	7.242.000	5.765.704	80	112
1	Từ các khoản thu phân chia	3.505.265	5.424.855	3.573.814	66	102
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	1.656.352	1.817.145	2.191.890	121	132

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 60/TB-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2019	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2020	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	SO SANH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	6.018.334	9.477.096	6.502.809	69	108
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	5.260.000	8.516.910	5.657.064	66	108
I	Chi đầu tư phát triển	1.050.000	1.437.900	1.274.700	89	121
II	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		1.095.130			
III	Chi thường xuyên	4.069.000	5.659.450	4.244.588	75	104
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.530.000	2.204.798	1.564.142	71	102
2	Chi khoa học và công nghệ	19.000	29.474	27.614	94	145
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	380.000	376.156	388.895	103	102
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	48.000	105.667	72.411	69	151
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	45.000	66.590	30.865	46	69
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	17.000	19.589	13.664	70	80
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	73.000	144.172	78.946	55	108
8	Chi sự nghiệp kinh tế	670.000	1.065.658	764.941	72	114
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	750.000	1.071.262	812.570	76	108
10	Chi bảo đảm xã hội	390.000	352.382	330.714	94	85
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		18.600	1.776	10	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	140.000	204.830	135.000	66	96
VII	Chi từ nguồn tăng thu		100.000		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	758.334	960.186	845.745	88	112
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	130.856	178.252	178.252	100	136
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	302.801	661.200	519.279	79	171
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	324.677	120.734	148.214	123	46